

Số: 455/BC-THCSHD

Hưng Đạo, ngày 27 tháng 06 năm 2025

**CÔNG KHAI CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
TRƯỜNG THCS HƯNG ĐẠO
NĂM HỌC 2024-2025**

Thực hiện Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Công văn số 893/GD&ĐT, ngày 23/9/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Dương Kinh hướng dẫn thực hiện Quy định về công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT;

Căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025, trường THCS Hưng Đạo công khai các hoạt động giáo dục năm học 2024-2025 như sau:

I. CÔNG KHAI CHUNG :

1. Tên trường: Trường THCS Hưng Đạo.
 2. Địa chỉ: Tổ 6- phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng; địa chỉ thư điện tử: <http://thcschungdao.haiphong.edu.vn>
 3. Loại hình trường: Công lập.
 4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của trường:
 - Sứ mạng: Đem tri thức tới HS địa phương Hưng Đạo, giúp cho trình độ dân trí nâng cao, cuộc sống trở nên văn minh, tốt đẹp và hạnh phúc hơn
 - Tầm nhìn “Xây dựng một cộng đồng học tập hạnh phúc, có uy tín giáo dục đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội, học sinh. Là một trong những trường có chất lượng giáo dục toàn diện cao trong quận; được cha mẹ học sinh tin lựa chọn để gửi gắm con em học tập rèn luyện; nơi đội ngũ CBGVNV luôn có khát vọng vươn lên”.
 - Mục tiêu: Phân đấu xây dựng trường chuẩn quốc gia. Chất lượng giáo dục toàn diện được ổn định và nâng cao. Thương hiệu nhà trường được khẳng định. Là một trong trường có chất lượng top đầu của quận..
- Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên thông qua các hoạt động đào tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới của giáo dục THCS. Nhà trường không ngừng sáng tạo nhằm mang niềm vui cho học sinh đến trường. Giúp học sinh có nền tảng giáo dục toàn diện, năng động, sáng tạo, hợp tác, vui vẻ nhằm chuẩn bị cho học sinh trở thành những công dân toàn cầu trong tương lai.
- Quá trình thành lập và phát triển:

Trường THCS Hưng Đạo tiền thân là trường THCS Hưng Đạo huyện Kiến Thụy Thành phố Hải Phòng được thành lập theo Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 17/01/2008 của UBND thành phố Hải Phòng. Trải qua 65 năm xây dựng và phát triển trường hiện có tổng đội ngũ cán bộ giáo viên nhân viên là 41 người với hơn 900 học sinh với 16 phòng học kiên cố Nhà trường đã đạt được nhiều thành tích trong công tác chuyên môn, giáo dục học sinh.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

Họ tên: Ngô Thị Phương Thảo - Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng;

Số điện thoại: 0363080772; Địa chỉ thư điện tử: thao7274@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a. Quyết định thành lập: trường được thành lập theo Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 17/01/2008 của UBND thành phố Hải Phòng.

b. Quyết định công nhận hội đồng trường: số 99/QĐ-UBND, ngày 27/01/2021 của UBND quận Dương Kinh.

Chủ tịch hội đồng trường: Bà Ngô Thị Phương Thảo: Hiệu trưởng trường THCS Hưng Đạo theo QĐ số 458/QĐ-UBND ngày 07/04/2021 của UBND quận Dương Kinh.

Danh sách thành viên hội đồng trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Ngô Thị Phương Thảo	Hiệu trưởng- Chủ tịch HĐ
2	Ông Trần Văn Hiệu	Phó hiệu trưởng -Thành viên
3	Bà Đỗ Thị Thu Hằng	Chủ tịch CD -Thành viên
4	Bà Phạm Tuyết Nhung	Thư ký HĐ -Thành viên
5	Bà Đỗ Thị Mai Hoa	TTTKHXXH -Thành viên
6	Bà Đỗ Thị Biên	TTTKHTN -Thành viên
7	Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Phó chủ tịch Phường -Thành viên
8	Ông Đỗ Tuấn Kỳ	Ủy viên BDDHCMHS -Thành viên
9	Em Phạm Thị Ngọc Khánh	Học sinh 6A -Thành viên

c. Quyết định điều động bổ nhiệm, công nhận Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng:

- QĐ số 436/QĐ-UBND ngày 01/04/2021 về việc bổ nhiệm CBQL Ngô Thị Phương Thảo

- QĐ số 1121/QĐ-UBND ngày 01/04/2021 về việc bổ nhiệm CBQL Trần Văn Hiệu

- QĐ số 1310/QĐ-UBND ngày 26/07/2024 về việc điều động CBQL

Trần Văn Phương

d. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục:

Nhà trường đã Ban hành Quy chế làm việc của trường THCS Hưng Đạo

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục:

+ Tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác theo mục tiêu, chương trình giáo dục phổ thông dành cho cấp THCS và cấp THPT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

+ Quản lý giáo viên, cán bộ, nhân viên theo quy định của pháp luật.

+ Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh; vận động học sinh đến trường; quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

+ Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục.

Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong hoạt động giáo dục.

+ Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của Nhà nước.

+ Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia hoạt động xã hội.

+ Thực hiện các hoạt động về kiểm định chất lượng giáo dục.

+ Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng, phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nhiệm vụ phát triển giáo dục của địa phương.

- Thực hiện kiểm định, tự đánh giá chất lượng giáo dục THCS

- Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên để thực hiện nhiệm vụ

- Quản lý, sử dụng đất đai, cơ sở vật chất, trang thiết bị và tài chính theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với gia đình, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện hoạt động giáo dục THCS

- Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh em tham gia các hoạt động xã hội trong cộng đồng.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

+ Quyền hạn của cơ sở giáo dục THCS: quyền tự chủ trong khuôn khổ pháp luật, nhà trường có quyền tự quyết định nhiều vấn đề liên quan đến hoạt động của mình như: xây dựng kế hoạch giáo dục, tuyển dụng giáo viên, quản lý tài chính... Quyền hợp tác: nhà trường có quyền hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để nâng cao chất lượng giáo dục; quyền kiến nghị: nhà trường có quyền kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề liên quan đến hoạt động của mình.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục: cán bộ quản lý, gồm 1 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng.

Tổ chức bộ máy nhân sự gồm các tổ KHTN, KHXX, Tổ Văn phòng
Thành lập các hội đồng: Hội đồng trường, hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng kỷ luật và hội đồng tư vấn.

Tổ chức chính trị - xã hội: Chi bộ Đảng, Công Đoàn, Đoàn thanh niên.

đ. Quyết định thành lập, sáp nhập chia tách trường : Theo Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 17/01/2008 của UBND thành phố Hải Phòng

e.Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục:

Họ tên: Ngô Thị Phương Thảo - Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng;

Số điện thoại: 0363080772; Địa chỉ thư điện tử: thao7274@gmail.com

- Nhiệm vụ, trách nhiệm của Hiệu trưởng: Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân quận Dương Kinh, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Dương Kinh, Đảng bộ, Chi bộ về toàn bộ hoạt động của trường; Điều hành mọi hoạt động của nhà trường: xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch chuyên môn giáo dục; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền.

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng.

Phân công, quản lý, đánh giá, xếp loại; tham gia quá trình tuyển dụng, thuyên chuyển; khen thưởng, thi hành cảnh cáo, kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên theo quy định.

Quản lý hành chính; quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường;

Quản lý học sinh và tổ chức các hoạt động chuyên môn giáo dục của nhà trường; tiếp nhận, quyết định khen thưởng, kỷ luật, phê duyệt kết quả đánh giá, xếp loại. Tổ chức kiểm tra, xác nhận việc hoàn thành chương trình phổ cập giáo dục THCS .

Lên kế hoạch tu sửa cơ sở vật chất của nhà trường. Tham mưu các cấp về việc xây dựng cơ bản nhà trường.

Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, tổ chức các cuộc họp theo kế hoạch, họp đột xuất nếu có việc cần giải quyết, chăm lo đời sống CBGVNV, lên kế hoạch dự giờ .

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

Nhà trường đã tham mưu và xây dựng đầy đủ các văn bản: Chiến lược

phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác theo quy định, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch giáo dục hàng năm.

II. Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

- Tổng số 41 cán bộ, giáo viên, nhân viên, trong đó:

+ Cán bộ quản lý: 03 người

+ Giáo viên: 36 người

+ Nhân viên kế toán: 01 người

+ Nhân viên văn thư: 01 người

Trong đó: + Biên chế: 37 người

+ HDLD giáo viên: 04 người

- Trình độ đào tạo:

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo				
			ThS	DH	CD	TC	Dưới TC
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	41	05	36			
I	Giáo viên	36	02	34			
II	Cán bộ quản lý	3	1	2			
1	Hiệu trưởng	1		1			
2	Phó hiệu trưởng	2	1	1			
III	Nhân viên	2		2			
1	Nhân viên văn thư	1		1			
2	Nhân viên kế toán	1		1			
3	Thù quỹ						
4	Nhân viên y tế						
5	Nhân viên khác:						

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp:

- Tổng số cán bộ giáo viên đánh giá chuẩn nghề nghiệp: 39 đ/c xếp loại tốt là 39 đ/c đạt tỉ lệ 100%; xếp loại khá: 0. đạt tỉ lệ...%; xếp loại đạt: 0.

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

- Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên được bồi dưỡng hàng năm là 41 đ/c, trong đó CBQL: 03 đ/c, Giáo viên: 36 đ/c, nhân viên: 02 đ/c đồng chí đều hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định đạt 100%.

- Duy trì 100% các đ/c cán bộ giáo viên, nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm.

2. Thông tin về cơ sở vật chất:

1. Thông tin về cơ sở vật chất:

- Diện tích khu đất xây trường: 2934 m²

- Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh em: 2.9m²/1 học sinh.

- Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: đảm bảo trên 7.1m² /học sinh

b) Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chuyên môn và giáo dục học sinh em; khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: Thiếu

c) Số lượng các thiết bị, đồ dùng; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định : Thiếu

d) Số lượng một số thiết bị và điều kiện phục vụ chuyên môn: Thiếu

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	16	62hs/phòng
II	Loại phòng học	Kiên cố	
III	Tổng diện tích sân chơi (m ²)	456	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (kết hợp làm phòng ngủ)	0	
2	Diện tích phòng vệ sinh	45	
3	Diện tích sân chơi		
4	Diện tích nhà bếp và kho		
5	Diện tích phòng hành chính	6	
6	Tổng diện tích phòng BGH	36	

7	Diện tích phòng y tế	0	
8	Diện tích phòng Hội trường	0	
9	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật	0	
10	Diện tích phòng giáo dục thể chất	0	
11	Diện tích phòng Tin học + Ngoại ngữ	40	
12	Diện tích phòng nhân viên	0	
V	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	18	
1	Máy vi tính	7	
2	Máy in	7	
3	Máy chiếu	4	
IX	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá :Chưa thực hiện

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; Chưa thực hiện

4. Nhà trường thực hiện liên kết: Không

IV. Kết quả hoạt động giáo dục

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục trong năm học:

*.Tổng số lớp, số học sinh: 22 (lớp), với tổng số 990 (học sinh);

Trong đó: Khối 6: 6 (lớp), 252 (HS); Khối 7: 6 (lớp), 284 (HS);

Khối 8: 5 (lớp), 240 (HS); Khối 9: 5 (lớp), 214 (HS).

*.Tổng số CBQL, giáo viên, nhân viên toàn trường là: 41 đ/c.

(Trong đó Viên chức : 37; Hợp đồng GV: 04)

Trong đó:

CBQL: 03 đ/c (đạt chuẩn: 02, đạt tỉ lệ: 67%; trên chuẩn: 01 đ/c, đạt tỉ lệ 33%);

Giáo viên giảng dạy: 36 đ/c;(Trên chuẩn: 02 = 6% ; Đạt chuẩn : 34=94%)

Nhân viên: 02 đ/c (Văn thư: 1, Kế toán: 01, Thủ quỹ: 0);

Trình độ đào tạo:

Đạt chuẩn: 36/39 (CBQL, GV), đạt tỉ lệ: 92.3%; trên chuẩn: 03/39 (CBQL, GV), đạt tỉ lệ: 7.7%; dưới chuẩn: 0, đạt tỉ lệ 0%.

- Tỷ lệ giáo viên/lớp là 1.64

Hiện nay còn thiếu: 13 lao động gồm:

+ Giáo viên: 10 (gồm: 02 toán, 02 HĐTĐN, 01 KHTN, 01 Mỹ thuật, 01 Tiếng Anh, 01 Tin, 1 Giáo dục TC, 01 Giáo dục địa phương).

+ Nhân viên: 01 (gồm thiết bị: 01)

- Số Đảng viên: 23 (21 chính thức; 02 dự bị).

2. CSVC, thiết bị dạy học :Cơ bản đảm bảo cho công tác dạy và học.

Cụ thể là: diện tích toàn trường là: 2.934m²; Số phòng học: 16 phòng, phòng chức năng: 01 (phòng thư viện), 01 kho đồ dùng. Khu hiệu bộ có 01 phòng Hiệu trưởng, văn thư chung, 01 phòng kế toán (còn lại hư hỏng do cơn bão số 3 Yagi đến nay vẫn chưa được khắc phục;

Thiết bị dạy học : Tivi: 10 chiếc, 11 chiếc bảng trượt, 210 bộ bàn ghế học sinh đảm bảo đủ cho các phòng học và học sinh học tập.

3.Công tác Phổ cập giáo dục

Năm 2024 đã được BCĐ phổ cập quận kiểm tra và công nhận phường Hưng Đạo là đơn vị hoàn thành phổ cập THCS, phổ cập TH & Nghề năm 2024

+ Phổ cập giáo dục THCS: Đạt mức độ 3;

+ Phổ cập xóa mù chữ: Đạt mức độ 2;

+ Phổ cập TH & Nghề: Đạt.

4. Dạy học 2 buổi /ngày

- Nhà trường không tổ chức dạy học 2 buổi / ngày năm học 2024-2025)

5. Kết quả nâng cao chất lượng giáo dục trung học

5.1. Kết quả đánh giá kết quả rèn luyện, học tập học sinh trung học.

5.1.1. Kết quả đánh giá kết quả rèn luyện, học tập

* Chất lượng xếp loại 2 mặt giáo dục :

Khối/ lớp	TS HS	Kết quả rèn luyện							Kết quả học tập						
		Tốt		Khá		Đạt	Chưa Đạt	Tốt		Khá		Đạt		CD	
		SL	TL (%)	SL	TL (%)			SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)		
6	252	248	98.41	4	1.59			95	37.7	110	43.65	47	18.65		
7	284	277	97.54	7	2.46			111	39.08	116	40.85	57	20.07		
8	240	239	99,58	1	0.42			94	39.17	125	52.08	21	8.75		

9	214	214	100					99	46.26	85	39.72	30	14.02		
TS	990	978	98,79	12	1,21			399	40,3	436	44,04	155	15,66		

* Kết quả xét lên lớp và tốt nghiệp THCS :

- Đối với học sinh lớp 9: Có 214 em trong đó 119 em nam; 95 em nữ; Tỷ lệ xét Tốt nghiệp THCS: Đạt 100%; Trong đó có: 146 em dự thi vào THPT, 68 em ko tham gia thi vào 10 THPT.

5. 1.2. Kết quả các kỳ thi:

a) Cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học

- Cấp quận: nhà trường có 04 dự án tham gia dự thi. Kết quả: 03 dự án đạt giải KK.

b) Kỳ thi HSG môn Toán và KHTN bằng Tiếng Anh:

- Cấp quận:

+ Môn Toán 8 bằng tiếng Anh: Trong năm học 2024-2025, có 8 học sinh dự thi giải Toán 8 bằng tiếng Anh. Kết quả: có 02 giải gồm 01 giải Ba và 01 giải KK;

+ Môn KHTN lớp 9 bằng tiếng Anh: có 5 học sinh dự thi giải KHTN 9 bằng Tiếng Anh. Kết quả: 01 Ba.

- Cấp Thành phố: Không

c) Kỳ thi HSG các môn văn hóa lớp 6,7,8,9:

- Cấp Quận: 62 giải trong đó gồm:

+) Giải Nhất: 04 +) Giải Nhì: 14 giải; +) Giải Ba: 15 giải; +) Giải KK: 29 giải

Cụ thể: Học sinh học lớp 9 đạt: 17 giải cấp Quận trong đó có 3 giải nhất, 4 giải nhì, 2 giải ba, và 8 giải KK; Giao lưu học sinh học giỏi lớp 6,7,8 đạt 45 giải trong đó có 1 giải nhất, 10 giải nhì, 13 giải ba và 21 giải khuyến khích.

- Cấp Thành phố: 02 giải gồm 01 giải KK môn GD&ĐT; 01 giải KK môn Công nghệ.

d) Kỳ thi khác:

- Thi thuyết trình tiếng Anh cấp Quận đạt 1 giải nhất, 1 giải ba, 1 giải khuyến khích.

- Thi Viết thư quốc tế UPU, Thi viết sáng bảo đảm trật tự trường học đạt giải khuyến khích cấp thành phố...

- Có 02 Học sinh tham gia cuộc thi Sơn Ca cấp Quận đạt 1 giải Nhất và 1 giải nhì. Có 1 Học sinh đạt giải Ba chương trình "Thiếu nhi dẫn chương trình" năm 2024 cấp thành phố; 01 giải ba cuộc thi Sơn Ca thành phố.

III. Thu, chi tài chính:

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu,

chi hoạt động như 1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

- a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí; loại hoạt động.
 b) Các khoản chi phân theo: chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

Báo cáo quyết toán kinh phí năm học 2024 – 2025

(Thời gian từ 31/08/2024 đến hết 26/06/2025)

Đơn vị tính

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
I	CÁC KHOẢN THU, CHI NGOÀI NGÂN SÁCH VÀ KHOẢN THU HỘ, CHI HỘ	DVT: đồng	
I	Số thu phí, lệ phí		
1	Học phí (nếu có) Tháng 9+10+11+12/2024 và 1+2+3+4+5/25	455.584.000	
	Chi lương, phụ cấp, bảo hiểm....		Dùng cho việc chi lương, PC, BH
2	Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có) (Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)		
2.1	Học thêm, dạy thêm		
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	39.180.411	
2.1.2	Mức thu 12.000/tiết	12.000	
2.1.3	Tổng số thu trong năm	979.584.000	
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	979.584.000	
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (4)	979.584.000	

2.1.6	Số chi trong năm	1.005.084.487	
	Trong đó:		
	- Chi giáo viên giảng dạy, GVCN quản lý	671.995.000	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	143.999.000	
	-Chi phúc lợi: Chi 20/11+Tết + Tổng kết.... liên hoan HNVC;	99.540.000	
	-Chi CSVC :sửa chữa máy tính, máy in, tivi, máy chiếu ...mua máy tính phòng PHT 2, trồng đại, sửa chữa điện, nước, đồ dùng vệ sinh, bàn ghế, cửa, in bạt công trường, bổ sung, bóng điện, sửa chữa quạt treo tường, quạt trần, ổ điện, sửa chữa lắp đặt máy điều hòa....	79.948.320	
	- Chi nộp thuế 2%	19.591.680	
2.1.7	Số dư cuối năm (15/06/2025)	0	
2.2	Nước uống		
2.2.1	Số dư năm trước chuyển sang		
2.2.2	Mức thu 10.000d/tháng		
2.2.3	Tổng số thu trong năm	87.530.000	
2.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	87.530.000	
2.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (4)	87.530.000	
2.2.6	Số chi trong năm	87.530.000	
	Trong đó:		
	- Chi mua nước uống đóng bình học sinh	87.530.000	
2.2.7	Số dư cuối năm(31/05/2025)	0	
2.3	Tiền trông xe		
2.3.1	Số dư năm trước chuyển sang	26.844.100	
2.3.2	Mức thu : 30.000/ xe đạp ; 50.000/ xe đạp điện		
2.3.3	Tổng số thu trong năm	195.550.000	
2.3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	195.550.000	
2.3.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (5)	195.550.000	
2.3.6	Số chi trong năm	218.160.300	

	Trong đó: - Chi trả người trông xe	125.540.400	
	-Chi trả công tác của QLý , GVCN	15.644.000	
	-Chi sửa nền sân, đồ dùng bảo hộ, lợp lại mái tôn do bão, khóa, bút, khăn lau	34.767.200	
	-Chi phúc lợi: chi tiền 2/9, liên hoan 20/11...	22.653.700	
	- Chi nộp thuế 10%	19.555.000	
2.3.7	Số dư cuối năm (15/06/2025)	4.233.800	
2.4	Vòng tay bè bạn		
2.4.1	Số dư năm trước chuyển sang		
2.4.2	Mức thu : 35.000/hs		
2.4.3	Tổng số thu trong năm	35.600.000	
2.4.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	35.600.000	
2.4.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (5)	35.600.000	
2.4.6	Số chi trong năm		
	Trong đó: - Chi 25% chuyển cấp trên	8.530.000	
	- Chi khác:tổ chức đại hội cháu ngoan Bác Hồ, Đại hội liên đội , tổ chức tuyên truyền các hoạt động	27.070.000	
2.4.7	Số dư cuối năm (15/06/2025)	0	
II	QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH (2025)		
TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Ngân sách nhà nước		
1.1	Ngân sách chi thường xuyên	6.557.102.000	
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang		
	- Dự toán được giao trong năm	6.557.102.000	
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm	6.557.102.000	

	+ Dự toán bổ sung trong năm		
	+ Kinh phí giảm trong năm		
	- Kinh phí thực nhận trong năm		
	- Kinh phí quyết toán		
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng		
	vào quyết toán, bao gồm:		
	+ Kinh phí đã nhận	4.955.852.309	(Chi lương, phụ cấp, bảo hiểm, thưởng. Chi điện nước, bảo vệ, lao công, công tác phí, PCTD, thêm giờ, tăng tiết, PCCC, mua cây cảnh Tết, phun khử khuẩn, đồ men cống, thu gom rác, tổ chức các ngày lễ, internet, , gia hạn các phần mềm : QLTS, Thu, QLCB, Kế toán, chuyên môn,)
	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc	2.058.833.691	
1.2	Ngân sách chi không thường xuyên	397.000.000	Đầu tư cơ sở vật chất nhà trường
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	0	
	Dự toán được giao trong năm	397.000.000	
	Trong đó:	397.000.000	
	+ Dự toán giao đầu năm		
	+ Dự toán bổ sung trong năm		
	+ Kinh phí giảm trong năm		
	- Kinh phí thực nhận trong năm		
	- Kinh phí quyết toán		
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng		
	vào quyết toán, bao gồm:		
	+ Kinh phí đã nhận	397.000.000	

T.P. H. H. P. P.

	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc	397.000.000	
2	Tình hình thực hiện kiến nghị của cơ quan Kiểm toán,		
	thanh tra, cơ quan tài chính		
	Tổng số kinh phí phải nộp ngân sách		
	Tổng số kinh phí đã nộp ngân sách		
	Tổng số kinh phí còn phải nộp		
	- Kinh phí cải cách tiền lương		
III	MỨC THU NHẬP HÀNG THÁNG		
1	Mức thu nhập của CBQL		
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	250.000.000	
	Mức bình quân (đ/người/năm)	240.000.000	
2	Mức thu nhập của giáo viên	230.000.000	
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	145.000.000	
	Mức bình quân (đ/người/năm)	60.000.000	

3. Thực hiện kịp thời, đầy đủ các chế độ chính sách cho giáo viên và học sinh theo đúng quy định.

- Thực hiện kịp thời, đầy đủ các chế độ chính sách cho giáo viên và học sinh theo đúng quy định.

Trên đây là các nội dung công khai đối với các hoạt động giáo dục của trường THCS Hưng Đạo năm học 2024-2025 theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (báo cáo);
- Lưu: VT, HSCK.

HIỆU TRƯỞNG



Ngô Thị Phương Thảo